



ISO 9001 : 2015

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2018



Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp HCM
Điện thoại: 028. 38554645 – Fax: 028. 38564307
Website: stb.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro

02

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Ban Điều hành Công ty
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Những thay đổi trong Ban Điều hành
- Tình hình nhân sự và Chính sách đối với người lao động

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tình hình hoạt động đầu tư
- Tình hình tài chính

04

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về tổ chức, chính sách quản lý
- Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến của kiểm toán viên
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

05

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Điều hành
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Ban kiểm soát

07

QUẢN TRỊ CÔNG TY

08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán



THÔNG TIN CHUNG



• Thông tin khái quát	07
• Quá trình hình thành và phát triển	09
• Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	17
• Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức	19
• Định hướng phát triển	21
• Rủi ro	23



Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP.HCM

Tên tiếng anh: BOOK AND EDUCATIONAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY OF HO CHI MINH

Tên viết tắt: STB JSC

Giấy CNĐKDN số: 0301325347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 04 tháng 07 năm 2006 và thay đổi lần thứ 12 ngày 18/10/2017

Vốn điều lệ: 56.655.300.000 VNĐ

Vốn đầu tư chủ sở hữu: 114.036.659.086 VNĐ

Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp.HCM

Số điện thoại: (028) 38554645

Số fax: (028) 38564307

Website: <http://www.stb.com.vn>

Email: lienhe@stb.com.vn

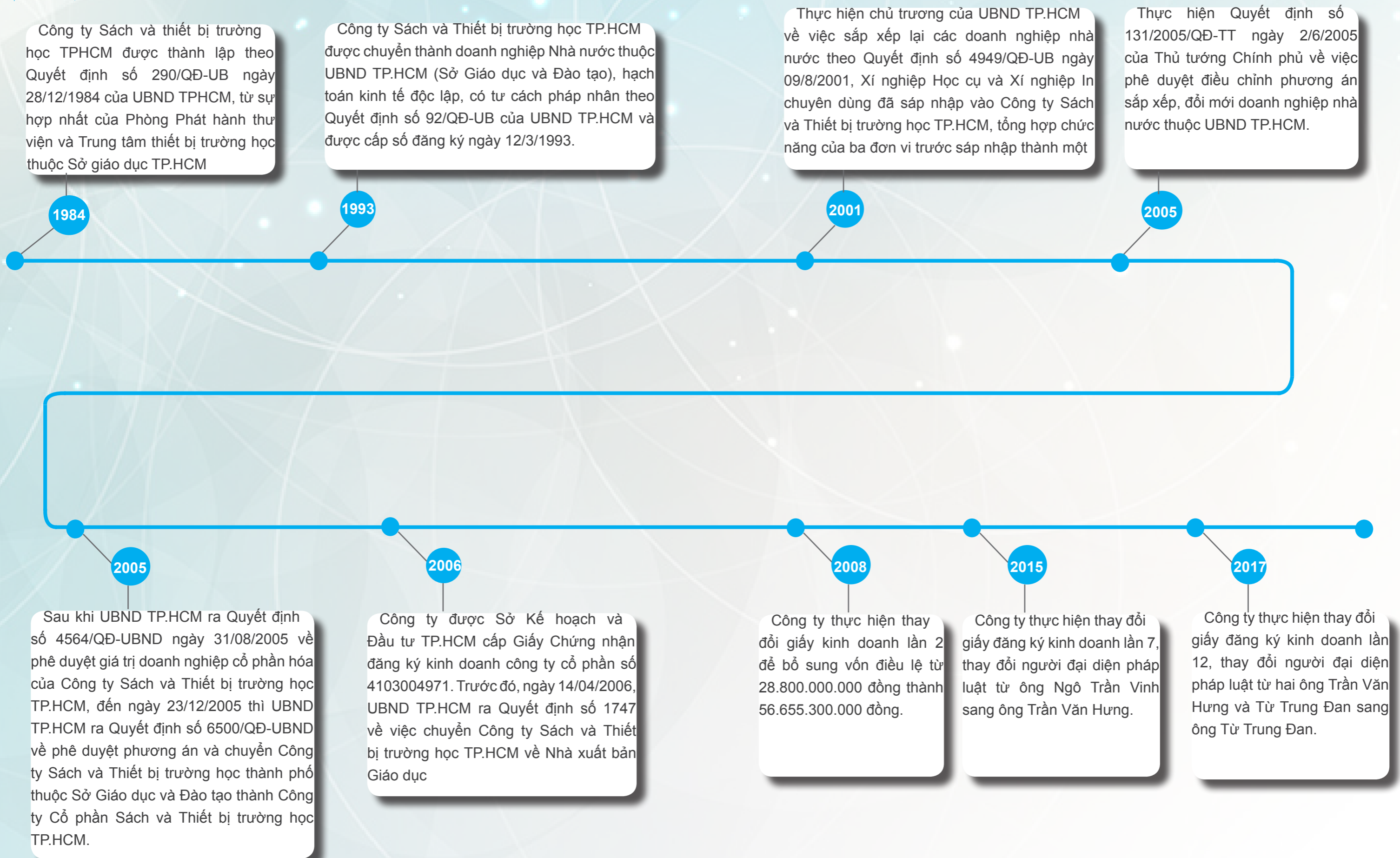
Mã cổ phiếu: STC

Logo





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG



Huân chương lao động hạng Ba do Nhà Nước trao tặng

1983

Huân chương lao động hạng Nhì do Nhà Nước trao tặng

1988

Huân chương lao động hạng Nhất do Nhà Nước trao tặng

1996

Công ty được bình chọn “Hàng Việt Nam chất lượng cao” do báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức.

2000

Nhận cờ đơn vị xuất sắc do NXB Giáo Dục trao tặng, theo quyết định số: 148/QĐ-TCNS ngày 10/02/2007.

2006

Nhận cờ đơn vị xuất sắc do NXB Giáo Dục trao tặng, theo quyết định số: 63/QĐ-TCNS ngày 19/01/2008.
Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng đơn vị đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc năm 2007”, theo quyết định số 1240/QĐ-BGD-ĐT ngày 21/3/2008

2007

Cúp vàng “Thương hiệu chứng khoán uy tín”
Nhận cờ đơn vị xuất sắc do NXB Giáo Dục trao tặng

2008

Được cấp “Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 / ISO 9001: 2008

Công ty đã nhận bằng khen của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh số 3149/QĐUB, ngày 26/6/2009: Đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức, tham gia ngày “Hội phát triển Giáo dục TP. Hồ Chí Minh năm 2009”.

Tháng 10/2009: Công ty đạt giải thưởng – danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội năm 2009”, do: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và Báo Đầu Tư Chứng Khoán cùng phối hợp tổ chức bầu chọn.

2009



THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Nhận bằng khen của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo tặng công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đã đạt thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ năm 2009, quyết định số 1592/QĐ-BGDĐT ngày 27/4/2010.

Tháng 6/2010, nhận bằng khen của UBND TP.HCM về đạt thành tích tốt trong tham gia Ngày hội Giáo Dục phát triển TP. Hồ Chí Minh năm 2010". Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng bằng khen cho tập thể công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM, Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, đã có nhiều thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, quyết định số 2096/QĐ-TT ngày 18/11/2010

2010

Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng cúp "Đơn vị xuất sắc của NXB Giáo Dục Việt Nam" và khen thưởng theo quyết định số 13/QĐ-TCNS ngày 12/01/2011 cho công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc trong hệ thống NXB Giáo Dục Việt Nam năm 2010.

Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam công nhận, khen thưởng và tặng cờ thi đua danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc năm 2010" cho công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP.HCM theo quyết định số 18/QĐ-TCNS ngày 13/01/2011.

Ngày 28/4/2011, Trung tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 1 – Tổng Cục Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng cấp "Giấy Chứng Nhận Phù Hợp Quy Chuẩn Kỹ Thuật" (tem CR trên sản phẩm) số: 0126 cho công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh.

Theo giấy chứng nhận, Công ty được phép sản xuất "Đồ chơi trẻ em" bằng gỗ, nhựa và vải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 3:2009/BKCN, có giá trị 36 tháng kể từ ngày 28/4/2011 đến 28/4/2014

2011

Ngày 26/10/2011, Trung tâm Khoa Học Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp – Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Việt Nam cấp "Chứng Thư Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp Năm 2011" số: CRC 031/TNDN.2011/V.01 cho công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM, thời hạn 2 năm kể từ khi được cấp Chứng thư.

Tháng 12 năm 2011, Trung tâm Thông Tin Tín Dụng – Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam đã xếp hạng tính dụng doanh nghiệp năm 2011 và bầu chọn công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh là doanh nghiệp trong "Top 1.000 doanh nghiệp năm 2011".

2011

Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng cúp đơn vị xuất sắc của NXBG-DVN cho công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh cho đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc trong hệ thống NXBGDVN năm 2011, quyết định số 21/QĐ-TCNS ngày 11/01/2012.

Tháng 10 năm 2012, Trung tâm Thông Tin Tín Dụng – Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam đã xếp hạng tính dụng doanh nghiệp năm 2012 và bầu chọn công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh là doanh nghiệp trong "Top 1.000 doanh nghiệp năm 2012

Ngày 26/11/2012, Viện Doanh Nghiệp Việt Nam – Trung Tâm Đánh Giá Chỉ Số Tín Nhiệm Doanh Nghiệp cấp Chứng nhận Chỉ số tín nhiệm "Trusted Quality Supplier – Nhà cung cấp Chất lượng 2012", mã hồ sơ: 0230/TQS/2012 cho CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH.

2012



THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

2013

Ngày 07/01/2013, Trung tâm Khoa Học Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp – Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Việt Nam cấp “Chứng Thư Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp Năm 2012” số: CRC 106/TNDN.2012/V.01 cho công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh.

Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng cúp đơn vị xuất sắc của NXBGDVN cho công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh, đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc trong hệ thống NXBGDVN năm 2012, quyết định số 86/QĐ-TCNS ngày 21/01/2013.

Nhận bằng khen của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo tặng công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện nhiệm vụ phát hành sách năm 2012, ghi sổ bằng khen số 801/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2013.

Ngày 12/7/2013, Viện Doanh Nghiệp Việt Nam – Trung Tâm Đánh Giá Chỉ Số Tín Nhiệm Doanh Nghiệp cấp Chứng nhận Chỉ số tín nhiệm “Trusted Quality Supplier – Nhà cung cấp Chất lượng 2013”, mã hồ sơ: 13-0105/TQS cho CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH.

2014

Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng tặng cúp đơn vị xuất sắc trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam năm 2013 cho công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh, quyết định số 28/QĐ-TCNS ngày 13/01/2014.

Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng và tặng Cờ thi đua cho công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm 2013, quyết định số 33/QĐ-TCNS ngày 13/01/2014.

Ngày 22/9/2014, Viện Doanh Nghiệp Việt Nam – Trung Tâm Đánh Giá Chỉ Số Tín Nhiệm Doanh Nghiệp cấp Chứng nhận Chỉ số tín nhiệm “Trusted Quality Supplier – Nhà cung cấp Chất lượng 2014”, mã hồ sơ: 082/TQS/2014 cho CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH.

Ngày 20/10/2014, Viện Nghiên Cứu Kinh Tế cấp Chứng Nhận Đánh Giá Quốc Tế Độc Lập cho CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH là DOANH NGHIỆP CHẤT LƯỢNG Qmix 100:2014, mã công nhận/ Global GTA business code: 0301325347.

Huân chương Lao động hạng nhì QĐ số 3434/QĐ-CTN ngày 25/12/2014

2015

Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì cho Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 3434/QĐ-CTN ngày 25 tháng 12 năm 2014

Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng và tặng Cúp đặc biệt xuất sắc cho đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, một trong ba đơn vị dẫn đầu trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam năm 2014 theo Quyết định số 82/QĐ-TCNS ngày 20/01/2015.

Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện nhiệm vụ phát hành sách, thiết bị giáo dục và thư viện trường học năm 2014 theo Quyết định số 870/QĐ-BGDĐT ngày 24/3/2015.

Ngày 09/10/2015, Phòng Công nghiệp và Thương Mại Việt Nam – Trung tâm Văn Hóa Doanh Nhân cấp Chứng nhận số 44/2015-DNMPTBV cho CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TP. HỒ CHÍ MINH đạt DOANH NGHIỆP MẠNH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2015”.

2016

Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc” năm 2015 theo quyết định số: 39/QĐ-TCNS ngày 18 tháng 01 năm 2016;

Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng “ Cúp đặc biệt xuất sắc” do đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện năm 2015;

Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phát hành sách, thiết bị trường học năm 2015 theo Quyết định số 748/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2016.

2017

Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc” năm 2016 theo quyết định số: 31/QĐ-TCNS ngày 12 tháng 01 năm 2017;

Là một trong ba đơn vị được Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng “Cúp đặc biệt xuất sắc” do đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, dẫn đầu trong hệ thống Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam năm 2016.

2018

Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc” năm 2018 theo quyết định số: Số 65/QĐ-NXBGDVN ngày 15/01/2019.



Ngành nghề kinh doanh



Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học.



Mua bán Sách giáo khoa. Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ).



In ấn sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường. In nhãn hiệu, bao bì.

Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở)



Sản xuất đồ chơi trẻ em (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở, trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội)



Sản xuất phim video



Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại)



Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính)



Giáo dục tiểu học



Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông



Đào tạo nghề



Cho thuê văn phòng



Giáo dục mầm non

Địa bàn hoạt động

“STC đang tiếp tục đầu tư phát triển thị trường, đưa các sản phẩm, dịch vụ đến hơn 63 tỉnh thành trên cả nước”

Địa bàn kinh doanh:

Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Bình Thuận, An Giang, Tây Ninh, Đồng Nai, Tiền Giang...



Mô hình quản trị

Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hiện nay mô hình quản trị của Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan với mô hình bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc.

Công ty con, công ty liên kết

STT	Tên Công Ty	Vốn góp	% Vốn điều lệ
1	Công ty Cổ phần giáo dục An Đông	5,230	52,77%

Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

Địa chỉ: 780 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP.HCM.

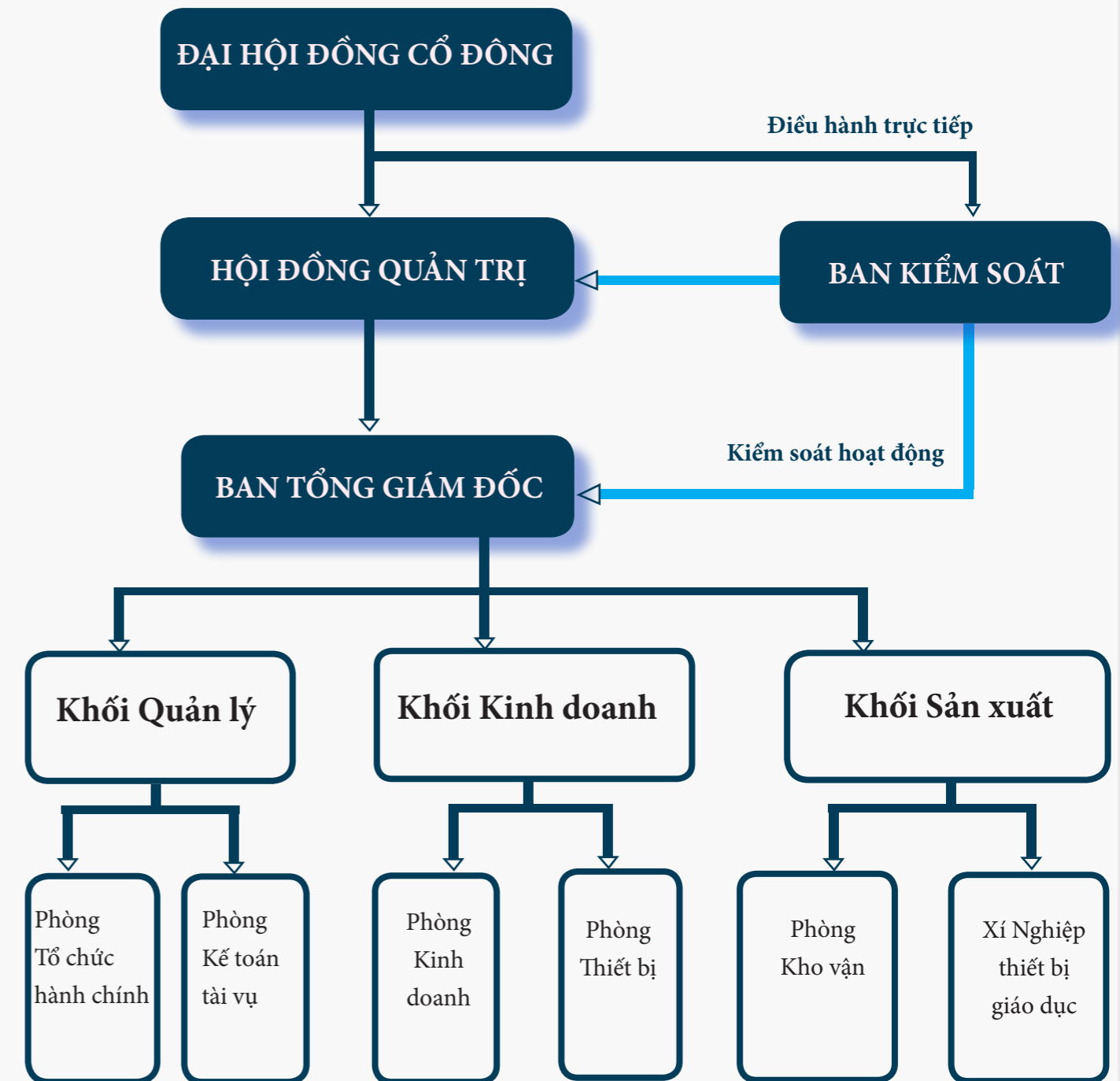
Vốn điều lệ thực góp: 5,230 tỷ đồng

Tỷ lệ góp vốn của STC: 52,77%

Lĩnh vực SXKD chính: Chuyên về giáo dục và giảng dạy, đã thành lập trường

THCS – THPT Quang Trung Nguyễn Huệ

Cơ cấu bộ máy quản lý





Mục tiêu chủ yếu của công ty

Công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục là đơn vị hậu cần cho ngành giáo dục, lấy kinh doanh làm phương tiện và Công ty sẽ phát triển theo hướng đa ngành một cách vững chắc.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường mua sắm mới máy móc, thiết bị mới để sản phẩm do Công ty sản xuất ra có chất lượng tốt. Trong sản xuất: Tăng cường dần năng lực sản xuất các mặt hàng thiết bị và đồ dùng dạy học, đồ chơi nhà trẻ - mẫu giáo trong nhà và ngoài trời để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Đẩy mạnh kinh doanh các trang thiết bị nội thất trong nhà trường, đồ chơi mẫu giáo, hướng đến các sản phẩm kích thích phát triển tư duy của trẻ, lồng ghép vừa học vừa chơi...

Trong kinh doanh: Tăng cường khâu bán lẻ bằng cách phát triển hệ thống cửa hàng, trước mắt ra tại thị trường thành phố Hồ Chí Minh và sẽ tiến dần mở rộng ra các nơi trên lãnh thổ Việt Nam, có thể do Công ty đứng ra kinh doanh hoặc có thể liên kết với các tỉnh bạn làm đại lý để phát hành sản phẩm của Công ty.

Làm mới trang web của công ty, tăng cường bán hàng qua mạng internet..... Đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa thiết bị tới trực tiếp người tiêu dùng là phụ huynh, học sinh...

Tận dụng và phát huy tối đa thế mạnh sẵn có từ nhiều năm qua của đơn vị như: lượng khách hàng truyền thống, mối quan hệ tốt đẹp với các trường, phòng giáo dục... để tạo nên nét đặc thù riêng của Công ty



Các mục tiêu phát triển bền vững

Đối với xã hội và cộng đồng

Cung ứng sản phẩm và dịch vụ an toàn, chất lượng cao, xây dựng uy tín cho STC, xây dựng niềm tin và tìm kiếm sự chấp thuận của các bên liên quan và xã hội nói chung đối với các hoạt động kinh doanh của STC nhằm đảm bảo môi trường đầu tư lâu dài cho công ty. Ngày càng nâng cao chất lượng cuộc sống cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Khuyến khích sự tình nguyện tham gia của các bên hữu quan và cán bộ công nhân viên của STC vào hoạt động tình nguyện và thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững. Hành động thiết thực đối với vấn đề cộng đồng và xã hội

Đối với môi trường

Tuân thủ luật Bảo vệ Môi trường và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường của Công ty. Tăng cường kiểm soát, quản lý chặt chẽ các vấn đề sản xuất, tiêu thụ nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, giảm thiểu tác động đáng kể đến môi trường bằng các biện pháp:
Tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và nước sinh hoạt nhằm tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Nâng cao nhận thức cho toàn thể nhân viên thông qua đào tạo kiến thức về công tác bảo vệ môi trường. Chính sách này được phổ biến rộng rãi đến toàn thể Người lao động Công ty để mọi người thấu hiểu và đều có trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm có chất lượng, đồng thời sản xuất các chi tiết sản phẩm có thể dùng chung cho nhiều thí nghiệm để sản phẩm sử dụng bền và tiết kiệm chi phí cho xã hội, cho nhà trường và cho học sinh.
Đề cao việc sử dụng các sản phẩm thân thiện, không gây ô nhiễm môi trường, khuyến khích toàn thể nhân viên tái sử dụng trong quá trình làm việc, sản xuất.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

STC luôn quan tâm đến việc quản trị rủi ro toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động cũng như sự phát triển bền vững của công ty trong tương lai

Rủi ro kinh tế

Rủi ro môi trường

Rủi ro đặc thù

Rủi ro pháp luật

Rủi ro khác

Rủi ro kinh tế

Tốc độ phát triển của nền kinh tế ảnh hưởng đến sự phát triển của các ngành nói chung và ngành sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sách, thiết bị giáo dục nói riêng. Khi nền kinh tế có được sự tăng trưởng chậm lại thì các nhu cầu về giáo dục và dân trí sẽ bị ảnh hưởng và ngược lại.

Năm 2018 kinh tế Việt Nam tiếp tục khởi sắc với tăng trưởng GDP đạt mức cao nhất trong 11 năm qua. Số liệu của tổng cục Thống kê cho thấy, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Lạm phát ổn định, CPI bình quân tăng 3,54% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Triển vọng kinh tế cho năm 2019 là rất lớn. Theo đó, ngành giáo dục đang là một trong những ngành đang được ưu tiên và phát triển trong thời gian tới. Việt Nam là nước có tỉ lệ dân số trẻ cao nên nhu cầu đối với giáo dục và đào tạo lớn. Vì vậy rủi ro về kinh tế của ngành giáo dục nói chung và của công ty nói riêng trong giai đoạn này là không đáng lo ngại

Rủi ro đặc thù ngành

Ngành nghề hoạt động của công ty là sản xuất và kinh doanh Đồ dùng dạy học, thiết bị trường học và phát hành các loại sách tham khảo, sách giáo khoa. Những sản phẩm này đòi hỏi phải sửa đổi, tái bản liên tục nhằm cập nhật theo nhu cầu giáo dục hằng năm. Đòi hỏi công ty phải cập nhật và bám sát thị trường để tránh tồn kho những sản phẩm lạc hậu.





Rủi ro môi trường

Hoạt động kinh doanh của STC quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm của STC là các sản phẩm đồ dùng dạy học, thiết bị trường học và kinh doanh phát hành sách nên không gây nhiều tác động tiêu cực đến môi trường. Tuy nhiên, nguyên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất của STC có sử dụng sơn và hóa chất để xử lý, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến môi trường.

Ý thức được vấn đề bảo vệ môi trường, đồng thời hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, trong quá trình sản xuất công ty xây dựng kế hoạch cung ứng và quản lý vật tư một cách chặt chẽ, tránh để xảy ra tình trạng lãng phí, dư thừa trong quá trình sản xuất.



Rủi ro pháp luật

Là một công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, ngoài chịu ảnh hưởng của luật doanh nghiệp, hoạt động của Công ty còn chịu sự ảnh hưởng của luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan. Bên cạnh đó, công ty còn chịu ảnh hưởng trực tiếp của các bộ luật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực hoạt động đó là luật giáo dục và luật xuất bản. Theo nghị quyết số 88/2014/QH 13 của Quốc Hội về việc thay đổi chương trình học và sách giáo khoa, Bộ giáo dục đang nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình phù hợp và dự kiến sẽ triển khai từ năm 2019, điều này dẫn đến hoạt động sản xuất thiết bị của công ty cần phải có những thay đổi, chỉnh sửa bổ sung để phù hợp. Để hạn chế những rủi ro này, công ty luôn chú trọng cập nhật thông tin nhằm xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng, cập nhật tối đa theo nhu cầu thị trường.

Rủi ro khác

Những rủi ro khác bao gồm: các rủi ro không thể dự đoán được như dịch bệnh, thiên tai, bảo quản hàng hóa, ...là những rủi ro có nguy cơ xảy ra rất thấp nhưng có tác động rất lớn đến tình hình kinh doanh của toàn Công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty sẽ tham gia mua bảo hiểm tài sản, hàng hóa.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



• Hội đồng quản trị	29
• Ban Điều hành công ty	33
• Ban Kiểm soát	35
• Những thay đổi trong Ban Điều hành	36
• Tình hình nhân sự và Chính sách đối với người lao động	37



Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
Lê Huy	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Từ Trung Đan	Thành viên HĐQT	
Đỗ Thành Lâm	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm từ ngày 14/4/2018
Trần Lê Quang	Thành viên HĐQT	
Lê Thị Phương Hảo	Thành viên HĐQT	
Phan Xuân Hiến	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 14/4/2018



Lê Huy

Năm sinh: 1974

Nguyên quán: Ninh Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Kỹ sư trắc địa

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch hội đồng quản trị

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
1995-8/2014	Công tác tại CTCP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục, chức vụ cao nhất từng đảm nhận: Phó Giám đốc
9/2014- 5/2017	Công tác tại CTCP Mỹ thuật và truyền thông, chức vụ cao nhất từng đảm nhận: Giám đốc
6/2017- nay	Công tác tại CTCP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam, chức vụ đang đảm nhận: Tổng Giám đốc



Từ Trung Đan

Năm sinh: 26/4/1975

Nguyên quán: Tây Ninh

Trình độ chuyên môn: Đại học

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
1997-2006	Công tác tại Công ty Sách và Thiết bị trường học Tp Hồ Chí Minh. Chức vụ cao nhất từng đảm nhận: Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ.
2007 đến nay	Công tác tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp.Hồ Chí Minh. Chức vụ đang đảm nhận: Tổng Giám đốc.





Trần Lê Quang

Năm sinh: 1974

Nguyên quán: Quảng nam

Trình độ chuyên môn: Kế toán Kiểm toán

Chức vụ tại tổ chức khác: Phó tổng giám đốc Công ty CP Sách-
Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam.

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
2003 - 2008	Công tác tại CTCP SGD TP.HCM
2008 - 2009	Công tác tại NXBGD tại TP.HCM
2009 - 2011	Công tác tại CTCP Dịch vụ xuất bản Gia đình
2011 - 2018	Công tác tại NXBGD tại Tp.HCM, chức vụ: Kế toán trưởng
2019-nay	Công tác tại Công ty CP Sách-Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam, chức vụ đang đảm nhận: Phó Tổng giám đốc

Phan Xuân Hiền

Năm sinh: 1961

Nguyên quán: Quảng Bình

Trình độ chuyên môn: Đại học Ngành Hóa lý kim loại

Chức vụ hiện tại: Thành Viên hội đồng quản trị

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
1987 – 1990	Cán bộ Trung tâm Phân tích và Thí nghiệm
1990 – 2006	Công tác tại Công ty Sách và Thiết Bị trường học Tp. Hồ Chí Minh. Chức vụ cao nhất từng đảm nhận: Trưởng phòng thiết bị.
2007 – nay	Công tác tại Công ty cổ phần Sách và Thiết Bị trường học Tp. Hồ Chí Minh. Chức vụ đang đảm nhận: Phó Tổng Giám đốc.

Lê Thị Phương Hào

Năm sinh: 1975

Nguyên quán: Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Chức vụ hiện tại: Thành Viên hội đồng quản trị

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
10/2002 – 07/2003	Chuyên viên quản lý in – NXBGD tại Tp.HCM
07/2003 – 02/2015	Phó Ban kiểm định chất lượng SPGD (KV phía Nam) – NXBGD VN
02/2015 – nay	Trưởng phòng TC – HCQT NXBGD tại TP.HCM





Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Ghi chú
Từ Trung Đan	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
Phan Xuân Hiến	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	
Đỗ Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	
Huỳnh Thị Bích Hạnh	Kế toán trưởng	

Sơ yếu lý lịch Ông Từ Trung Đan và Ông Phan Xuân Hiến xem ở phần sơ yếu lý lịch của HĐQT

Đỗ Thị Thanh Bình

Năm sinh: 1970
 Nguyên quán: Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
 Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
1991- 2001	Công tác tại Công ty Sách và Thiết bị trường học Cần Thơ
2001 - 2006	Công tác tại Công ty Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh.
2007 - nay	Công tác tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh. Chức vụ đang đảm nhận: Phó Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Năm sinh: 1980
 Nguyên quán: Bình Định
 Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh Tế – TP. HCM
 Chức vụ hiện tại: Kế Toán Trưởng Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh.
 Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
2003 – 2006	Công tác tại Công ty Sách và Thiết Bị trường học Tp. Hồ Chí Minh.
2007 – nay	Công tác tại Công ty cổ phần Sách và Thiết Bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh. Chức vụ đang đảm nhận: Kế toán trưởng.

Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ghi chú
Lê Phương Mai	Trưởng Ban kiểm soát	
Nguyễn Văn Hà	Thành viên Ban kiểm soát	
Nguyễn Thị Nhớ	Thành viên Ban kiểm soát	

Lê Phương Mai

Năm sinh: 4/6/1975
 Nguyên quán: Thanh Hóa
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
 Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
02/1998-4/2007	Chuyên viên Phòng Tổ chức – Lao động Tiền lương, kế toán viên, Phó Trưởng Phòng Kế toán Tài vụ Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh. Công tác tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam.
5/2007 đến nay	Chức vụ đang đảm nhận: Phó Tổng Giám đốc.





Những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hà

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
2003 - 2005	Công tác tại CTCP BĐS P.P.C
2006 - 2007	Công tác tại CTCP Đầu tư Kim Cương
2007 - 2013	Công tác tại CTCP Chứng khoán Âu Việt
2014 - nay	Công tác tại CTCP Đầu tư Kim Cương, chức vụ đang đảm nhận: Giám đốc bộ phận đầu tư

Năm sinh: 1979
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
 Chức vụ tại tổ chức khác: Giám đốc bộ phận đầu tư – CTCP Đầu tư Kim Cương

Nguyễn Thị Nhớ

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
08/2008 đến nay	Công tác tại công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM, chức vụ đang đảm nhận: Phó trưởng phòng Kho vận

Năm sinh: 1985
 Nguyên quán: Tiền Giang
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
 Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
Lê Huy	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Từ Trung Đan	Thành viên HĐQT	
Trần Lê Quang	Thành viên HĐQT	
Lê Thị Phương Hảo	Thành viên HĐQT	
Phan Xuân Hiến	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm từ ngày 14/4/2018

Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Ghi chú
Từ Trung Đan	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
Phan Xuân Hiến	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	
Đỗ Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	
Huỳnh Thị Bích Hạnh	Kế toán trưởng	

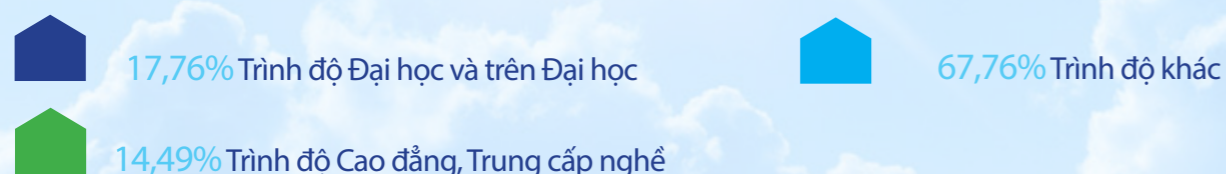
Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ghi chú
Lê Phương Mai	Trưởng Ban kiểm soát	
Nguyễn Văn Hà	Thành viên Ban kiểm soát	
Nguyễn Thị Nhớ	Thành viên Ban kiểm soát	



Cơ cấu lao động

Tiêu Chí	Số lượng	Tỷ trọng(%)
Phân theo trình độ lao động	214	100%
Trình độ đại học, trên đại học	38	17,76%
Trình độ cao đẳng, trung cấp nghề	31	14,48%
Trình độ khác	145	67,76%
Địa bàn công tác	278	100%
Hồ Chí Minh	162	58,27%
Bình Dương	116	41,73%

Tỷ lệ theo trình độ lao động



Tỷ lệ theo địa bàn công tác



Tiền lương bình quân

Tiền lương bình quân người lao động qua các năm		
STT	Năm	Tiền lương (Đồng/người/tháng)
1	2017	10.873.000
2	2018	12.891.000

Chính sách đối với người lao động

Chính sách tiền lương

Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiến hành trả lương theo kết quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực, khuyến khích người lao động nâng cao hiệu suất làm việc. Các chính sách lương, thưởng của Công ty luôn hướng tới đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, xây dựng khoảng cách lương hợp lý nhằm phát huy năng lực đóng góp của từng cán bộ. Khuyến khích người lao động tăng năng suất và chất lượng sản phẩm bằng cách thưởng định kỳ thông qua hiệu suất công việc, thưởng đột xuất cho những cải tiến hoặc sáng kiến giúp nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh. Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Công ty luôn đưa ra những chiến lược dài hạn, đảm bảo những lợi ích tốt nhất cho người lao động để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được những kết quả tốt nhất, nhằm hướng đến những mục tiêu trở thành một trong những nhà sản xuất, phân phối cung cấp dịch vụ về giáo dục hàng đầu Việt Nam.

Chính sách phúc lợi

Bên cạnh chính sách lương cơ bản, Công ty còn có các chế độ chính sách phúc lợi phù hợp với Bộ Luật Lao động, Luật BHXH, các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể: tham gia đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn 24/24, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị đồng phục và đồ bảo hộ an toàn lao động v.v... Ngoài ra, Công ty còn có các hoạt động chăm lo đời sống của người lao động: thiết lập thời gian nghỉ ngơi phù hợp, cải thiện môi trường làm việc, tổ chức lắp đặt, bảo trì hệ thống xử lý nước uống cho công nhân và kiểm nghiệm nước định kỳ nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động v.v...



Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và phòng chống độc hại cho người lao động. Mỗi năm đều tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát, nghỉ dưỡng để tái tạo sức lao động. Tham gia các hoạt động xã hội như giúp đỡ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo. Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, thông qua các chương trình Hội thi, Hội thao, văn nghệ.



Công tác BHLĐ, ATLĐ

Bên cạnh chính sách lương thưởng phù hợp Công ty còn có các khoản phụ cấp, trợ cấp khác tùy thuộc vào vị trí công tác, năng lực làm việc và đóng góp vào kết quả kinh doanh. Công ty cũng rất quan tâm và chăm sóc sức khỏe người lao động. Cụ thể, các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn cho người lao động đã được Công ty thực hiện tốt. Ngoài ra Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CBCNV. Công ty thực hiện mua Bảo hiểm sức khỏe cho các cán bộ quản lý của công ty.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- Tình hình hoạt động kinh doanh 43
- Tình hình hoạt động đầu tư 45
- Tình hình tài chính 46



Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm

Khoản mục	ĐVT	THỰC HIỆN 2017	THỰC HIỆN 2018	TỶ LỆ TH 2018/ TH2017 (%)
Doanh Thu	Đồng	376,086,182,261	388,723,208,878	3.36%
Trong đó:				
Bán sách và sản phẩm in	Đồng	175,715,484,190	184,165,870,006	4.81%
Thiết bị giáo dục	Đồng	175,048,531,626	178,141,110,134	1.77%
Hoạt động dạy học	Đồng	24,559,821,000	24,152,813,600	-1.66%
Doanh Thu khác	Đồng	762,345,445	2,263,415,138	196.90%
Giá Vốn Hàng Bán	Đồng	286,416,039,932	298,946,985,328	4.38%
Trong đó:				
Hoạt động dạy học	Đồng	16,267,066,959	16,158,776,242	-0.67%
Thiết bị giáo dục	Đồng	114,605,817,995	118,337,503,439	3.26%
Sách và các sản phẩm in	Đồng	153,979,094,429	162,776,380,413	5.71%
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Đồng	790,686,129	-114,155,861	-114.44%
Giá vốn khác	Đồng	773,374,420	1,788,481,095	131.26%
Chi phí bán hàng	Đồng	34,804,987,268	29,428,515,254	-15.45%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	34,093,835,581	38,231,104,545	12.13%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	14,313,342,533	17,090,082,930	19.40%
EPS	Đồng	1,815	2,166	19.34%

Cơ cấu doanh thu năm 2018



Cơ cấu doanh thu năm 2017



Hoạt động kinh doanh năm 2018 đang tiếp tục trên đà tăng trưởng, doanh thu năm nay tăng 3,3% so với năm 2017 đạt mức 388,72 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động kinh doanh sách và thiết bị giáo dục chiếm tỷ trọng tăng nhiều nhất trong phần tăng của tổng doanh thu. Về mặt chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay theo báo cáo tăng hơn 4 tỷ đồng so với năm 2017 chủ yếu là do công ty thực hiện chính sách tăng lương cho người lao động. Ngoài ra các khoản chi phí bán hàng và các chi phí khác giảm làm cho tổng chi phí giảm xuống dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm nay tăng 19,4% đạt mức hơn 17 tỷ đồng. Điều này cho thấy được công ty đã thực hiện các biện pháp quản lý chi phí một cách hiệu quả trong năm 2018.



Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản mục	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	2.282.375.309	-	2.166.805.740	-
Cộng	2.282.375.309	-	2.166.805.740	-

Đầu tư vào đơn vị khác: Công ty CP DVXB Giáo Dục Gia Định:

Tên công ty	Tỷ lệ vốn, quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP DVXB Giáo Dục Gia Định	4,77%	49.000	490.000.000	
Cộng			490.000.000	



Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng tài sản	148,384,575,337	155,301,518,419	4.66%
Doanh thu thuần	372,474,806,188	384,906,657,318	3.34%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	15,733,985,585	18,023,905,670	14.55%
Lợi nhuận khác	234,257,924	1,039,200,866	343.61%
Lợi nhuận trước thuế	15,968,243,509	19,063,106,536	19.38%
Lợi nhuận sau thuế	14,313,342,533	17,090,082,930	19.40%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018
Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,39	2,51
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,36	1,64
Cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	26,44%	26,57%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	35,94%	36,19%
Năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,34	7,82
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,59	2,53
Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,84%	4,44%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,47%	15,31%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	9,97%	11,26%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	4,22%	4,68%



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Nhóm chỉ số khả năng thanh toán của công ty đều tăng trong năm qua. Chỉ số thanh toán ngắn hạn đạt 2,5 lần, tăng 0,12 so với giá trị 2,39 lần so với năm 2017. Trong năm tài sản ngắn hạn tăng 10,44% đạt mức 103,6 tỷ đồng do công ty đầu tư vào tài sản cố định ít hơn năm ngoái. Trong khi đó, nợ ngắn hạn tăng so với năm 2017 đạt mức 41,26 tỷ đồng do khoản biến động của khoản người mua trả tiền trước và khoản phải trả người lao động. Hàng tồn kho năm 2018 giảm nhẹ 10,94% còn lại 36 tỷ đồng chủ yếu là các sản phẩm đã thành phẩm và nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất. Như vậy, khả năng thanh toán của STC được đánh giá tốt, nằm ở mức an toàn cho tình hình tài chính của công ty cũng như tiềm năng huy động vốn để mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh trong tương lai.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Mặc dù chịu ảnh hưởng của thuế và biến động tỷ giá của nguyên liệu đầu vào nhưng tỷ suất biên lợi nhuận gộp thể hiện trong năm 2018 tăng 0,6% đạt 4,44% cho thấy hiệu quả trong công tác quản trị chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Các hệ số sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2018 tăng mạnh tương ứng ROA từ 9,97% năm 2017 lên 11,26% năm 2018, ROE từ 13,47% lên 15,31% năm 2018 do lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng so với cùng kì. Đây là kết quả của việc công ty đã thực hiện các giải pháp kinh doanh hợp lý và đi đúng với chiến lược đã định hướng ban đầu.

Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động

Trong năm 2018, năng lực hoạt động của công ty tăng trưởng rõ nét, Thời gian tồn kho bình quân của công ty là 7,82 ngày tăng 0,48 ngày so với năm 2017. Thời gian tồn kho của công ty luôn được cải thiện qua các năm gần đây. Chính sách thúc đẩy bán hàng hiệu quả đã giúp sản lượng tiêu thụ và doanh thu của công ty tăng trưởng hiệu quả. Vòng quay của tổng tài sản giảm nhẹ không tác động đáng kể hiệu quả trong công tác sử dụng tài sản phục vụ cho sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu và tổng tài sản so nhìn chung không có biến động nhiều so với năm 2017. Các khoản nợ ngắn hạn tăng lên chủ yếu từ các chính sách trả tiền cho người lao động và các quỹ khen thưởng phúc lợi, tuy nhiên vốn chủ sở hữu cũng tăng lên từ các quỹ đầu tư phát triển làm cho chỉ số nợ trên tổng tài sản có phần tăng nhẹ so với năm trước. Trong năm 2018, công ty đã thực hiện vay ngắn hạn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và khoản vay này được trả hết trong năm. Hiện tại tính đến ngày 31/12/2018 công ty không còn vay nợ tài chính. Kết quả này cho thấy công ty có nguồn lực tài chính vững đủ khả năng chi trả cho các khoản nợ.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Cơ cấu cổ đông

Số lượng cổ phiếu công ty đăng ký phát hành: 5.665.530 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ

Số cổ phiếu ưu đãi: không

Số cổ phiếu phổ thông: 5.665.530 cổ phiếu

Cổ phiếu quỹ: không

Cổ phiếu đang lưu hành: 5.665.530 cổ phiếu

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.665.530 cổ phiếu

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2018

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Cổ đông Nhà nước	1	2.976.768	52,54
2	Cổ đông khác	570	2.678.532	47,46
	Tổng cộng	571	5.665.530	100
I	Cổ đông trong nước			
1	Tổ chức	21	3.180.342	56,13
2	Cá nhân	533	1.749.308	30,88
II	Cổ đông nước ngoài			
1	Tổ chức	6	611.600	10,79
2	Cá nhân	11	124.280	2,19
	Tổng cộng	571	5.665.530	100



Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông lớn	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH MTV NXB Giáo Dục Việt Nam	2.976.768	52,54%
2	Công ty cổ phần Đầu Tư Kim Cương	143.500	2,53%
3	Từ Trung Đan	375.190	6,62%
4	AFC VF Limited	348.700	6,15%
	Tổng Cộng	3.729.458	67,84%



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- **Đánh giá kết quả kinh doanh** 53
- **Tình hình tài chính** 54
- **Những cải tiến về tổ chức, chính sách quản lý** 55
- **Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán viên** 57
- **Kế hoạch phát triển trong tương lai** 57



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018

Đánh giá tình hình hoạt động trong năm 2018

Khoản mục	THỰC HIỆN 2017	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN 2018	TỶ LỆ TH 2018/ TH2017(%)	TỶ LỆ TH /KH 2018 (%)
Doanh thu thuần	372,474,806,188	353,000,000,000	384,906,657,318	3.34%	9.04%
Vốn điều lệ	56,655,300,000	56,655,300,000	56,655,300,000	100%	100%
Lợi nhuận trước thuế	15,968,243,509	15,800,000,000	19,063,106,536	19,36%	20.65%
Tỷ suất LNTT/VĐL	28.18%	27,89%	33.65%	19,41%	20,65%
Tỷ suất LNTT/DT thuần	4.29%	4.25%	4.95%	15.53%	16.55%
Tỷ lệ cổ tức	13	13	13	100%	100%

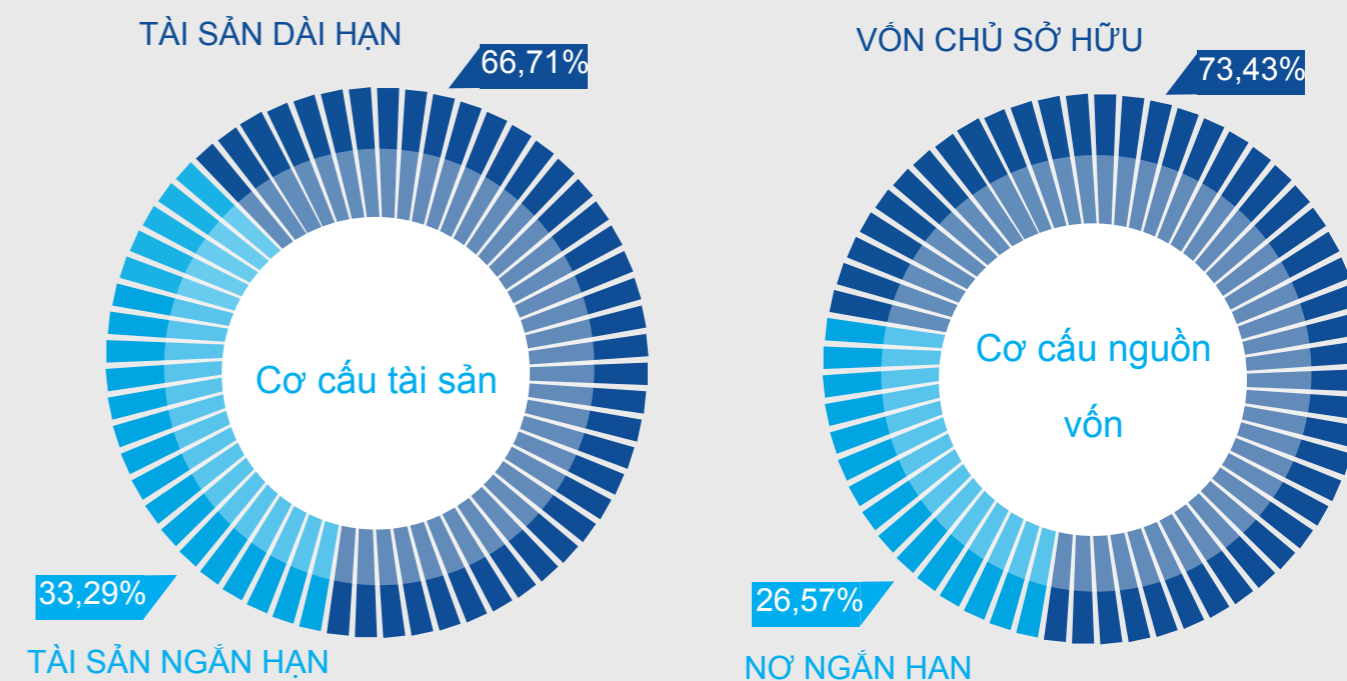
Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 tuy có những biến động nhưng ban Tổng Giám đốc công ty đã chỉ đạo tìm các phương án phù hợp với xu thế giáo dục để phát hành các sản phẩm đáp ứng với nhu cầu thị trường. Cụ thể là tình hình sản xuất kinh doanh trong năm qua đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu do đại hội đồng cổ đông đặt ra, doanh thu thuần đạt hơn 384 tỷ đồng tăng hơn 9% so với kế hoạch, mục tiêu kiểm soát chi phí cũng giúp cho lợi nhuận trước thuế tăng mạnh hơn năm trước đạt 19 tỷ đồng. Với kết quả như vậy STC đang dần khẳng định thương hiệu mình trên thị trường khi lượng khách hàng tin tưởng và tiếp tục ký kết hợp đồng đạt mức tăng trưởng lợi nhuận.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH









Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	93,813,943,182	103,603,971,637	10.44%
Tài sản dài hạn	54,570,632,155	51,697,546,782	-5.26%
Tổng Tài sản	148,384,575,337	155,301,518,419	4.66%
Nợ ngắn hạn	39,229,943,903	41,264,859,333	5.19%
Nợ dài hạn	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	109,154,631,434	114,036,659,086	4.47%
Tổng nguồn vốn	148,384,575,337	155,301,518,419	4.66%

Tổng tài sản của công ty trong năm 2018 có sự biến động, trong đó tài sản dài hạn giảm hơn 3 tỷ đồng chủ yếu do khấu hao lũy kế trong kỳ tăng. Mặc dù vậy mức tăng của tài sản ngắn hạn tăng mạnh hơn mức giảm của tài sản ngắn hạn làm cho tổng tài sản tăng. Nợ ngắn hạn trong năm 2018 cũng tăng nhẹ chủ yếu từ các khoản nợ với đối tác và các khoản tiền lương cho nhân công. Nhìn chung cơ cấu vốn và tài sản của công ty tăng đều trong những năm qua cho thấy được tính hiệu quả cũng như những đường lối hoạt động đúng đắn của ban lãnh đạo.





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

-  Tăng cường rà soát và cải tiến các sản phẩm công ty sản xuất để tăng chất lượng và đảm bảo chi phí hợp lý.
-  Tổ chức cung ứng và phát hành các sản phẩm thiết bị giáo dục được thực hiện tốt, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu sử dụng cho khu vực mà Công ty hoạt động.
-  Luôn rà soát nhân sự để củng cố, ổn định sản xuất. Quan tâm việc đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên và cán bộ quản lý để đáp ứng nhu cầu công ty và cũng là xu thế chung hiện nay
-  Đào tạo, bố trí nhân lực phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực công tác.
-  Quan tâm đến việc đầu tư máy móc, thiết bị để giảm vật tư tiêu hao, công lao động sản phẩm làm ra đảm bảo chất lượng và giữ vững thương hiệu.
-  Lãnh đạo công ty sâu sát, nắm bắt kịp để kịp thời theo dõi tiến độ sản xuất kinh doanh kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót.
-  Tăng cường công tác quản trị, kiểm tra và giám sát trong lĩnh vực tài chính, kế toán để giảm thiểu rủi ro, cảnh báo sai phạm, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh. Tích cực thu hồi công nợ, thu tiền bán hàng nhanh để giảm chi phí và kịp thời cung ứng vốn cho sản xuất kinh doanh.
-  Tích cực đôn đốc thu hồi nợ. Tiếp tục khắc phục và hoàn thiện dần mô hình bán hàng theo dạng mở và tăng cường bán lẻ, phục vụ khách hàng nhanh, gọn và hiệu quả hơn

Kế hoạch phát triển năm 2019

Bước sang năm 2019 với những tín hiệu khả quan về nền kinh tế đang hồi phục, phát huy những thành quả đã đạt được trong những năm qua, với sự quyết tâm, lòng nhiệt huyết, đồng tâm hợp lực, đoàn kết của toàn thể CBCNV Công ty, Công ty được hy vọng sẽ tiếp tục hoàn thành tốt kế hoạch đặt ra, ngày càng phát triển vững mạnh hơn và khẳng định vị thế trong cộng đồng doanh nghiệp. Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu kế hoạch KD - SX năm 2019:

Chỉ tiêu	Kế hoạch
Doanh thu, thu nhập	356.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	17.300.000.000
Tỷ lệ chi trả cổ tức	13%/mệnh giá, tức 1.300 đồng/cổ phiếu





Các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Tiếp tục củng cố và kiện toàn bộ máy tổ chức của công ty. Quan tâm việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên, cán bộ quản lý...



Tăng cường công tác làm thiết bị: làm mẫu, cải tiến sản phẩm thiết bị giáo dục... chuẩn bị tâm thế sẵn sàng khi có thực hiện thay đổi chương trình sách giáo khoa.

Đầu tư, trang bị máy móc cần thiết cho các đơn vị sản xuất nhằm cải tiến kỹ thuật, giảm hao phí, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Đa dạng hóa sản phẩm công ty.



Tăng cường công tác tiếp thị, làm thị trường để phát triển mảng kinh doanh thiết bị của công ty.

Đẩy mạnh phát triển thị trường bán lẻ.

Làm tốt công tác quảng cáo, tiếp thị để giới thiệu sản phẩm công ty bằng nhiều hình thức.

Thực hiện hỗ trợ khách hàng thông qua bảo hành, bảo trì thiết bị giáo dục. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh trong công tác bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện, nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm, hướng dẫn sử dụng thiết bị giáo dục, làm tốt việc bảo hành, bảo trì máy móc thiết bị, gia công lắp đặt,

Tích cực tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngày công lao động, điện nước, điện thoại, văn phòng phẩm,
Đẩy mạnh tiêu thụ hàng thiết bị tới trực tiếp người tiêu dùng là phụ huynh, học sinh,



Bảo toàn và phát triển nguồn vốn kinh doanh của công ty và tại các đơn vị công ty đầu tư, góp vốn.

Khai thác, sử dụng các mặt bằng của công ty hiệu quả, hợp lý.

Tiếp tục chỉ đạo rà soát, kiện toàn các quy chế, quy định của công ty cho phù hợp với quy định hiện hành.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- **Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty** 61
- **Đánh giá hoạt động của Ban Điều hành** 62
- **Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị** 63



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

Trong năm 2018, Công ty cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học thành phố Hồ Chí Minh nhờ có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của ban lãnh đạo kết hợp, hỗ trợ cùng với tinh thần đoàn kết, sáng tạo, phấn đấu của tập thể và cán bộ công nhân viên, Công ty đã tiếp tục đạt được những kết quả tốt đẹp, phát huy tốt các nguồn lực và có được những bước đi thích hợp. Không chỉ giữ vững thị phần mà doanh thu còn tăng trưởng vượt chỉ tiêu đã đề ra. Trong năm qua công ty cũng đã thực hiện các chính sách quan tâm tới cổ đông và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, uy tín cổ phiếu STC trên sàn chứng khoán cũng đã được củng cố.



Đánh giá các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong các cuộc họp cổ đông định kỳ và bất thường, Hội đồng quản trị đã thực hiện kiểm tra giám sát chặt chẽ các hoạt động của ban điều hành. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt những nhiệm vụ mà HĐQT và ĐHĐCĐ giao phó. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc đã tích cực đóng góp, đưa ra nhiều nhận định hữu ích về triển vọng phát triển Công ty giúp Hội đồng quản trị có được cái nhìn đúng đắn về tình hình hoạt động hiện tại của STC, từ đó xây dựng được các chiến lược phù hợp trong việc tái cơ cấu và thúc đẩy hoạt động kinh doanh trong thời gian tới. Tổng giám đốc cũng thường xuyên chủ động báo cáo tình hình hoạt động, các khó khăn vướng mắc trong quá trình điều hành, quản trị công ty.





1. Tiếp tục củng cố và kiện toàn bộ máy tổ chức của công ty. Quan tâm việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên, cán bộ quản lý...
2. Tăng cường công tác làm thiết bị: làm mẫu, cải tiến sản phẩm thiết bị giáo dục...chuẩn bị tâm thế sẵn sàng khi có thực hiện thay đổi chương trình sách giáo khoa.
3. Trang bị máy móc cho Xí nghiệp thiết bị giáo dục để cải tiến kỹ thuật, giảm hao phí, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Đa dạng hóa sản phẩm công ty.
4. Tăng cường công tác tiếp thị, làm thị trường để phát triển mảng kinh doanh thiết bị của công ty.

5. Bảo toàn và phát triển nguồn vốn kinh doanh của công ty và tại các đơn vị công ty đầu tư, góp vốn.

6. Khai thác, sử dụng các mặt bằng của công ty hiệu quả, hợp lý.

7. Tiếp tục chỉ đạo rà soát, kiện toàn các quy chế, quy định của công ty cho phù hợp với quy định hiện hành.





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





Hiệu quả kinh tế

Công ty cổ phần sách và thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh xác định rằng một doanh nghiệp hiệu quả là một doanh nghiệp tạo ra giá trị bền vững, lâu dài. Trong suốt quá trình từ lúc thành lập cho đến nay, Công ty luôn xác định mục tiêu hoạt động của mình không chỉ thành công trong lĩnh vực kinh doanh hay tối đa hóa lợi nhuận đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh trong phạm vi pháp luật cho phép mà còn mong muốn là doanh nghiệp tạo công ăn việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động; tạo lợi ích bền vững cho cổ đông góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện phát triển kinh tế cho khu vực và trên cả nước.



Với những mục tiêu đó, Ban lãnh đạo các cấp cùng toàn thể công nhân luôn cố gắng hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó. Với những khó khăn gặp phải, Công ty vẫn cố gắng duy trì và phát triển tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của mình thông qua các giải pháp kịp thời, đồng bộ của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Năm 2018, Công ty đã tạo ra được những giá trị kinh tế rất đáng ghi nhận khi đã luôn đồng hành, đảm bảo được công việc và thu nhập ổn định cho người lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, dòng tiền thu về từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính đảm bảo khả năng chi trả cổ tức cho cổ đông, nghiêm chỉnh tuân thủ các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

Đối với khách hàng và đối tác

Việc nhận thức được sâu sắc giá trị khách hàng mang lại góp phần cho sự phát triển của công ty, các thành viên trong công ty luôn có thái độ thân thiện, đúng mực và tôn trọng khách hàng. Luôn luôn lắng nghe để hiểu rõ nhu cầu khách hàng từ đó cố gắng nỗ lực không ngừng để mang lại sự hài lòng tốt nhất cho khách hàng.

Đối với nhân viên công ty

Công ty luôn coi trọng người lao động như là tài sản quý giá nhất, Công ty tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động. Thực hành các chính sách phúc lợi ưu việt, tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả cán bộ, nhân viên.

Đối với cộng đồng và xã hội

Toàn bộ Công ty luôn phấn đấu cao trong công việc để đạt được những thành tích vượt trội, qua đó đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng đất nước và nâng cao hình ảnh dân tộc trên trường quốc tế. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện để giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn. Sống và tư duy tích cực, thể hiện trình độ văn hóa cao, qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển văn minh xã hội. Công ty luôn nhận thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn cho các hộ gia đình trên địa bàn hoạt động.



QUẢN TRỊ CÔNG TY



- **Hoạt động của Hội đồng quản trị** **71**
- **Hoạt động của Ban kiểm soát** **73**



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành; phối hợp với ban kiểm soát để giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật, điều lệ, nghị quyết ĐHCĐ, quyết định của Hội đồng quản trị; thẩm định và cho ý kiến pháp lý đối với các kế hoạch, đề xuất kinh doanh do Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị.

Trong năm, Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường để nắm bắt tình hình doanh nghiệp, đảm bảo phát triển đúng định hướng mà Đại hội cổ đông đề ra, đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là TV HĐQT	Số buổi tham dự họp	Lý do không tham dự
Lê Huy	Chủ tịch Hội đồng quản trị	6/10/2017	9/9	
Từ Trung Đan	Thành viên HĐQT	6/10/2017	9/9	
Đỗ Thành Lâm	Thành viên HĐQT	7/6/2015	5/9	Miễn nhiệm từ ngày 14/4/2018
Trần Lê Quang	Thành viên HĐQT	7/6/2015	9/9	
Lê Thị Phương Hảo	Thành viên HĐQT	7/6/2015	9/9	
Phan Xuân Hiến	Thành viên HĐQT	14/4/2018	4/9	Bổ nhiệm từ ngày 14/4/2018

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2018

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/NQHĐQT/2018	08/01/2018	Thông qua các vấn đề sau: - Đơn giá tiền lương năm 2017 - Kết quả kinh doanh BCTC hợp nhất - Kết quả kinh doanh Công ty Mẹ - Tạm duyệt đơn giá tiền lương 2018 - Thực hiện thù lao HĐQT, BKS, thư ký công ty năm 2017 và kế hoạch năm 2018 - Xử lý kiểm kê năm 2017 - Chỉ tiêu kế hoạch 2017

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
2	02/NQHĐQT.2018	17/01/2018	Thay đổi người CBTT từ Bà Phạm Nhật Uyên sang Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh Thông qua kế hoạch kinh doanh ước thực hiện trong quý 1/2018
3	03/NQHĐQT.2018	20/03/2018	Một số công tác chuẩn bị ĐHCĐ thường niên 2018 Thông qua các văn bản, tài liệu, nội dung, công việc chuẩn bị cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
4	04/NQHĐQT.2018	03/04/2018	Hội đồng quản trị nhận được đơn từ nhiệm của Ông Đỗ Thành Lâm và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14/4/2018 về việc miễn nhiệm ông Đỗ Thành Lâm Thông qua việc chọn Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC làm đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018
5	05/NQHĐQT.2018	19/06/2018	Thông qua kết quả kinh doanh ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2018
6	06/NQHĐQT.2018	06/07/2018	Thống nhất đề xuất bổ sung nhân sự Công ty: - Bà Đỗ Thị Thanh Bình giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc - Ông Mai Tấn Phát giữ chức vụ trưởng phòng
7	07/NQHĐQT.2018	30/07/2018	Thông qua việc thanh lý 01 xe vận tải nhẹ hiệu KIA và mua 01 xe tải có tải trọng 2000kg với giá dự kiến 700.000.000đ phục vụ vận chuyển hàng hóa Công ty. Bổ nhiệm Bà Đỗ Thị Thanh Bình giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, thời gian giữ chức vụ theo nhiệm kỳ Đại hội cổ đông 2015 – 2020
8	08/NQHĐQT.2018	31/08/2018	Thông qua kết quả SX-KD ước thực hiện 09 tháng đầu năm 2018: - Doanh thu: 296,7 tỷ - LNTT: 15,74 tỷ
9	01/QĐ-HĐQT	19/9/2018	Thông qua một số nội dung khác
10	09/NQHĐQT.2018	10/10/2018	



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tình hình hoạt động trong năm

- Tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) theo thông báo hoặc thư mời, kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Ban kiểm soát nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của Cổ đông, bảo đảm sự tuân thủ pháp luật.
- Tham gia đóng góp ý kiến, tham mưu, hỗ trợ HĐQT và Ban Tổng Giám đốc hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh.
- Xem xét tính phù hợp các quyết định giúp cho việc bảo đảm tính đúng đắn, hợp lý, hợp pháp, hợp lệ và đúng trình tự thủ tục trong việc thông qua và thực hiện các nghị quyết, quyết định quan trọng của HĐQT.
- Thực hiện kiểm soát định kỳ và kiểm soát thường xuyên tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty và nhận xét kiến nghị với HĐQT và Ban điều hành.

Kế hoạch hoạt động của BKS trong thời gian tới

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật Nhà nước.
- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ theo Điều lệ hoặc đột xuất nếu cần thiết.
- Tham gia với Ban điều hành Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ và quy trình quản lý trong Công ty

Các phiên họp của Ban Kiểm soát

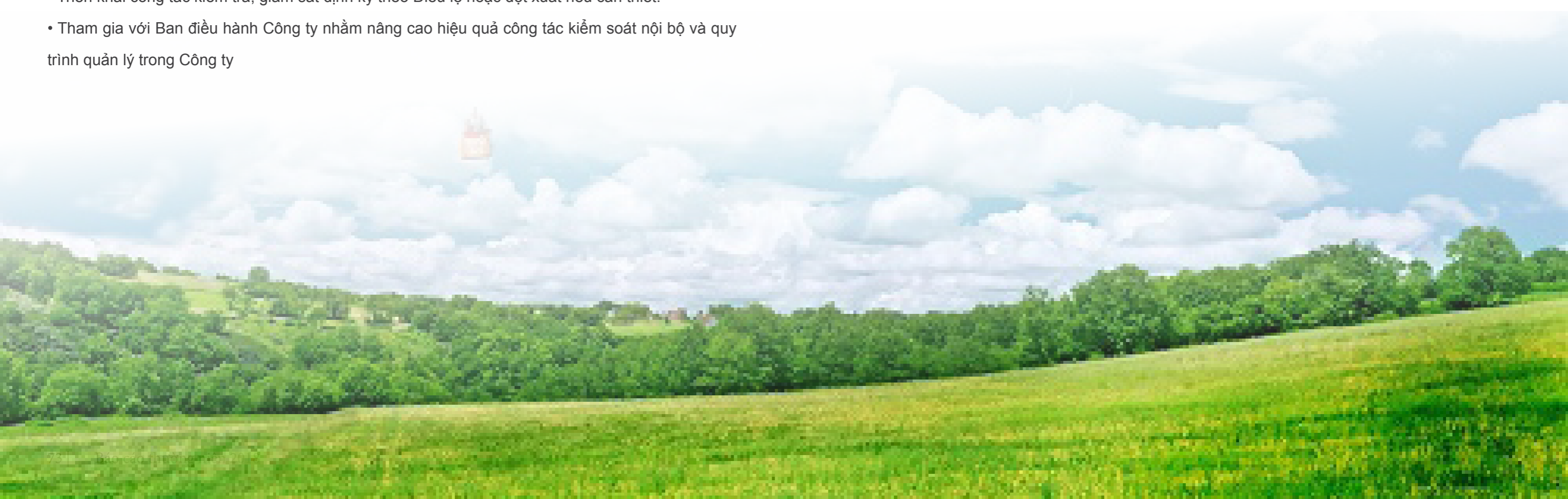
Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
Bà Lê Phương Mai	Trưởng BKS	4	100%	
Ông Nguyễn Văn Hà	Thành viên	4	100%	
Bà Nguyễn Thị Nhớ	Thành viên	4	100%	

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần sở hữu đầu kỳ	Số cổ phần sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Ngọc Trâm (Vợ Từ Trung Đan)	0	278.000	4,91%

Tình hình thực hiện các quy định về quy chế quản trị Công ty năm 2018

Hoạt động của STC tuân thủ đầy đủ theo quy định pháp luật về quản trị công ty.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH



- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán



**HUỲNH THỊ
BÍCH HẠNH**

Digitally signed by HUỲNH THỊ BÍCH HẠNH
DN: c=VN, st=TP HỒ CHÍ MINH, l=Gò Vấp,
o=CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC TP HCM, title=VN,
cn=HUỲNH THỊ BÍCH HẠNH,
0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND:02502
9460
Date: 2019.03.20 13:29:56 +07'00'

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 34

(Faint text from the main report body, including sections like "Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất")

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 028.8554 645 - 028.8553 118
- Fax: (84) 028.8564 307
- Website: www.stb.com.vn

Nghành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty có 3 đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương).
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông	780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục	52,77%

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 265 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 18 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Lê Huy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06/10/2017
• Ông Từ Trung Đan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/10/2017
• Ông Trần Lê Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07/06/2015
• Bà Lê Thị Phương Hào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07/06/2015
• Ông Phan Xuân Hiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2018
• Ông Đỗ Thành Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07/06/2015
		Miễn nhiệm ngày 14/04/2018

Ban Kiểm soát

• Bà Lê Phương Mai	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 07/06/2015
• Ông Vũ Văn Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07/06/2015
• Bà Nguyễn Thị Nhớ	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Từ Trung Đan	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/11/2016
• Ông Phan Xuân Hiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015
• Bà Đỗ Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/09/2018
• Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Trương Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2019



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 283/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 14/03/2019 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên


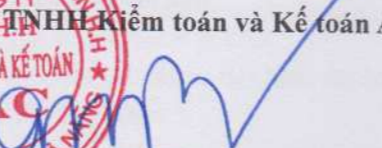
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.


CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC


Lâm Quang Tú - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 14 tháng 03 năm 2019


Lê Văn Cảnh - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2725-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		103.603.971.637	93.813.943.182
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	22.409.903.318	14.499.070.592
1. Tiền	111		7.216.279.894	4.377.079.359
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.193.623.424	10.121.991.233
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.282.375.309	2.166.805.740
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	2.282.375.309	2.166.805.740
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.999.508.678	35.481.109.626
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	40.453.502.608	34.706.836.116
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	165.925.010	1.000.623.370
3. Các khoản phải thu khác	136	9	547.108.178	224.910.273
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(167.027.118)	(451.260.133)
IV. Hàng tồn kho	140	11	36.001.487.820	40.423.923.240
1. Hàng tồn kho	141		37.174.243.354	41.710.834.635
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.172.755.534)	(1.286.911.395)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.910.696.512	1.243.033.984
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	1.837.125.925	1.184.006.979
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	73.570.587	59.027.005
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			51.697.546.782	54.570.632.155
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.000.000	11.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		11.000.000	11.000.000
II. Tài sản cố định	220		38.330.872.516	40.172.347.930
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	38.327.678.061	40.159.153.479
- Nguyên giá	222		64.058.013.538	63.063.340.608
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.730.335.477)	(22.904.187.129)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	3.194.455	13.194.451
- Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.805.545)	(16.805.549)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		940.000.000	2.758.181.819
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	940.000.000	2.758.181.819
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		490.000.000	490.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	490.000.000	490.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.925.674.266	11.139.102.406
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	11.908.502.548	11.109.809.476
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		17.171.718	29.292.930
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		155.301.518.419	148.384.575.337

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. Nợ phải trả	300		41.264.859.333	39.229.943.903
I. Nợ ngắn hạn	310		41.264.859.333	39.229.943.903
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	13.515.264.638	19.305.805.521
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		915.539.854	683.537.489
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	17	697.068.518	750.081.954
4. Phải trả người lao động	314		15.435.220.486	10.059.216.283
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	2.723.344.864	2.552.516.707
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.465.675.080	1.397.988.080
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	717.239.995	800.946.527
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.795.505.898	3.679.851.342
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		114.036.659.086	109.154.631.434
I. Vốn chủ sở hữu	410		114.036.659.086	109.154.631.434
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	6.538.767.315	6.538.767.315
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	26.474.012.931	21.588.170.127
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	7.710.502.129	7.689.617.281
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		324.428.281	862.101.972
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.386.073.848	6.827.515.309
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		2.896.380.487	2.921.080.487
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		155.301.518.419	148.384.575.337

Tổng Giám đốc
Tư Trung Đan

Kế toán trưởng
Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập
Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	22	388.723.208.878	376.086.182.261
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	3.816.551.560	3.611.376.073
Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		384.906.657.318	372.474.806.188
Giá vốn hàng bán	11	24	298.946.985.328	286.416.039.932
Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		85.959.671.990	86.058.766.256
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	774.501.486	663.741.287
Chi phí tài chính	22	26	1.050.648.007	2.089.699.109
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		520.670.699	783.864.258
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	27.a	29.428.515.254	34.804.987.268
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	38.231.104.545	34.093.835.581
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.023.905.670	15.733.985.585
Thu nhập khác	31	28	1.046.355.184	660.328.503
Chi phí khác	32	29	7.154.318	426.070.579
Lợi nhuận khác	40		1.039.200.866	234.257.924
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.063.106.536	15.968.243.509
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.960.902.394	1.642.779.764
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		12.121.212	12.121.212
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		17.090.082.930	14.313.342.533
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		16.547.679.899	13.805.564.162
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		542.403.031	507.778.371
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.166	1.815
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	2.166	1.815



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Trung Đan

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.063.106.536	15.968.243.509
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13,14	4.044.563.132	4.055.432.259
- Các khoản dự phòng	03		(398.388.876)	1.003.573.030
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		55.597	65.308
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(830.099.468)	92.881.316
- Chi phí lãi vay	06		520.670.699	783.864.258
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		22.399.907.620	21.904.059.680
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.176.653.270)	(2.338.252.785)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.536.591.281	(3.512.312.949)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(74.889.126)	11.788.634.623
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	12	362.108.435	(2.186.518.182)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(520.670.699)	(783.864.258)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(1.975.445.976)	(1.502.599.104)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		97.040.000	43.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.429.051.722)	(4.884.320.393)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.218.936.543	18.527.826.632
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(2.525.188.673)	(2.927.769.009)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		598.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(115.569.569)	(176.905.740)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	65.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		500.039.931	346.870.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.541.809.220)	(2.692.804.449)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		40.538.164.900	44.965.603.865
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(40.538.164.900)	(54.512.603.865)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.766.239.000)	(7.694.739.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.766.239.000)	(17.241.739.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		7.910.888.323	(1.406.716.817)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	14.499.070.592	15.905.852.717
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(55.597)	(65.308)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	22.409.903.318	14.499.070.592



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Trung Đan

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Võ Thị Ngọc Hoanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, đập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

1.4. Cấu trúc Doanh nghiệp

Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Trong năm, Công ty không tái cấu trúc

Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Hoạt động chính của Công ty con: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học phổ thông.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ theo quy định của thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3

4.9 Thuế hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.
- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê

4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.20 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.21 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Giáo dục An Đông

Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Công ty con phát sinh thu nhập chịu thuế từ năm 2010. Theo đó, Công ty con áp dụng miễn thuế 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% trong 5 năm (từ năm 2014 đến năm 2018). Ưu đãi nêu trên thể hiện tại mục II và mục III Phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn luật thuế TNDN.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	102.719.362	448.233.219
Tiền gửi ngân hàng	7.113.560.532	3.928.846.140
Các khoản tương đương tiền	15.193.623.424	10.121.991.233
Cộng	22.409.903.318	14.499.070.592

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	2.282.375.309	-	2.166.805.740	-
Cộng	2.282.375.309	-	2.166.805.740	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018				01/01/2018	
	Tỷ lệ vốn, quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	4,77%	49.000	490.000.000	-	490.000.000	-
Cộng			490.000.000	-	490.000.000	-

- Công ty đã nhận được báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty CP DVXB Giáo dục Gia Định với kết quả kinh doanh lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.
- Do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

7. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	1.155.589.043	636.033.471
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	775.805.800	545.406.867
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	729.225.487	592.280.549
Công ty CP Sách & TBTH Tiền Giang	362.831.554	998.543.546
Công ty TNHH MTV Nam Gia	5.029.881.778	2.314.137.800
Các đối tượng khác	32.400.168.946	29.620.433.883
Cộng	40.453.502.608	34.706.836.116

Trong đó: phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư	1.155.589.043	636.033.471
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	775.805.800	545.406.867
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	729.225.487	592.280.549
Công ty CP Sách & TBTH Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	362.831.554	998.543.546
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Chung công ty đầu tư	110.081.718	69.517.217
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	36.011.119	247.611.196
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	-	25.521.536
Cộng		3.169.544.721	3.114.914.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Phần Mềm Bravo	109.500.000	-
Công ty TNHH Máy và Công Cụ Rồng Việt	32.654.490	-
Công ty TNHH Tự Động Hóa ROBOWIND	15.840.000	-
JIANGXI PHENIX OPTICAL IM&EXP CO.,Ltd.	-	800.748.450
Các đối tượng khác	7.930.520	199.874.920
Cộng	165.925.010	1.000.623.370

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	82.395.205	-	76.522.883	-
Tạm ứng	233.240.000	-	138.065.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu về thuế TNCN, BHXH	105.000	-	322.390	-
Phải thu khác	221.367.973	-	-	-
Cộng	547.108.178	-	224.910.273	-

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2018	01/01/2018
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	(121.401.140)	(187.452.178)
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	(45.625.978)	-
- Trên 3 năm	-	(263.807.955)
Cộng	(167.027.118)	(451.260.133)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.804.187.574	(50.818.873)	9.036.863.227	(6.615.097)
Chi phí SX, KD dở dang	1.056.514.179	-	1.832.548.843	(17.028.372)
Thành phẩm	10.043.572.201	(149.528.242)	10.264.078.632	(51.633.340)
Hàng hóa	16.269.969.400	(972.408.419)	20.577.343.933	(1.211.634.586)
Cộng	37.174.243.354	(1.172.755.534)	41.710.834.635	(1.286.911.395)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 31/12/2018 là 1.391.341.940 đồng.

Tại thời điểm 31/12/2018, không có hàng tồn kho đem cầm cố, thế chấp các khoản vay.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	297.689.110	98.523.696
Chi phí sửa chữa	546.928.058	293.039.450
Chi phí ngoại khóa	248.709.311	360.375.798
Chi phí bảo hiểm	117.956.790	104.668.200
Chi phí trả trước khác	625.842.656	327.399.835
Cộng	1.837.125.925	1.184.006.979

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	725.469.730	710.202.746
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	7.198.181.451	7.387.607.283
Sửa chữa 104/5 Mai Thị Lựu	2.027.730.976	260.511.688
Sửa chữa, chi phí phân bổ 223 Nguyễn Tri Phương	993.704.265	1.306.798.263
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ (An Đông)	911.269.541	1.341.493.866
Sửa chữa 780 Nguyễn Kiệm	-	71.800.115
Chi phí trả trước dài hạn khác	52.146.585	31.395.515
Cộng	11.908.502.548	11.109.809.476

(*) Thuê 20.606 m² đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	43.970.900.576	9.631.585.287	8.309.216.239	1.151.638.506	63.063.340.608
Tăng trong năm	-	168.915.500	628.578.182	140.814.546	938.308.228
Đầu tư XDCB HT	1.535.240.000	-	-	-	1.535.240.000
Th.lý, nhượng bán	-	275.987.388	1.202.887.910	-	1.478.875.298
Số cuối năm	45.506.140.576	9.524.513.399	7.734.906.511	1.292.453.052	64.058.013.538
Khấu hao					
Số đầu năm	11.566.469.361	6.999.261.856	3.472.806.220	865.649.692	22.904.187.129
Tăng trong năm	1.768.815.442	1.026.936.872	1.125.276.891	113.533.931	4.034.563.136
T/ly, nhượng bán	-	268.628.483	939.786.305	-	1.208.414.788
Số cuối năm	13.335.284.803	7.757.570.245	3.658.296.806	979.183.623	25.730.335.477
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	32.404.431.215	2.632.323.431	4.836.410.019	285.988.814	40.159.153.479
Số cuối năm	32.170.855.773	1.766.943.154	4.076.609.705	313.269.429	38.327.678.061

Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại thời điểm 31/12/2018.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 5.594.702.617 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	30.000.000
Mua trong năm	-
Số cuối năm	30.000.000
Khấu hao	
Số đầu năm	16.805.549
Khấu hao trong năm	9.999.996
Số cuối năm	26.805.545
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	13.194.451
Số cuối năm	3.194.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
Công trình 104/5 Mai Thị Lựu	400.000.000	2.218.181.819
Xây dựng cơ sở giáo dục dạy nghề 122 Phan Văn Trị	540.000.000	540.000.000
Cộng	940.000.000	2.758.181.819

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	425.142.780	1.020.585.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	77.723.664	73.520.770
Công ty CP Sách Dân tộc	39.165.465	15.406.565
Công ty CP ĐT và Phát triển Giáo dục Phương Nam	32.045.241	386.377.391
Các đối tượng khác	12.941.187.488	17.809.915.795
Cộng	13.515.264.638	19.305.805.521

Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	425.142.780	1.020.585.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	77.723.664	73.520.770
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư	39.165.465	15.406.565
Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư	32.045.241	386.377.391
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	23.100.814	-
Cộng		597.177.964	1.495.889.726

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	357.541.670	-	3.959.423.148	4.082.446.501	234.518.317	-
Thuế nhập khẩu	-	-	11.072.393	11.072.393	-	-
Thuế TNDN	-	59.027.005	1.960.902.394	1.975.445.976	-	73.570.587
Thuế TNCN	392.540.284	-	1.768.249.317	1.698.239.400	462.550.201	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	3.858.981.898	3.858.981.898	-	-
Thuế môn bài	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
Cộng	750.081.954	59.027.005	11.569.629.150	11.637.186.168	697.068.518	73.570.587

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Trích trước chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng	2.327.772.864	2.128.934.507
Trích trước chi phí khác	395.572.000	423.582.200
Cộng	2.723.344.864	2.552.516.707

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
Kinh phí công đoàn	9.337.032	12.978.970
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	203.000.000	-
Cổ tức phải trả	41.117.557	46.967.557
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	440.800.000	741.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.985.406	-
Cộng	717.239.995	800.946.527

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND
Số tại 01/01/2017	56.655.300.000	13.761.696.224	5.795.214.815	18.543.624.132	8.905.090.248
Tăng trong năm	-	-	743.552.500	3.044.545.995	13.805.564.162
Giảm trong năm	-	-	-	-	15.021.037.129
Số tại 31/12/2017	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	21.588.170.127	7.689.617.281
Số tại 01/01/2018	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	21.588.170.127	7.689.617.281
Tăng trong năm	-	-	-	4.885.842.804	16.547.679.899
Giảm trong năm	-	-	-	-	16.526.795.051
Số tại 31/12/2018	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	26.474.012.931	7.710.502.129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	7.689.617.281	8.905.090.248
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	16.547.679.899	13.805.564.162
Phân phối lợi nhuận năm trước	7.365.189.000	8.042.988.276
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	265.118.189
- Trích quỹ dự trữ	-	64.748.338
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	283.184.411
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	64.748.338
- Chia cổ tức	7.365.189.000	7.365.189.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	9.161.606.051	6.978.048.853
- Trích quỹ đầu tư phát triển	4.885.842.804	2.779.427.806
- Trích quỹ dự trữ	-	678.804.162
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.459.027.793	2.841.012.723
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	816.735.454	678.804.162
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	7.710.502.129	7.689.617.281

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền gửi ngân hàng	499,62	499,62

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Viên Khang	58.916.000	Không còn khả năng thu hồi
Công ty Phúc Cường	21.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Nhà sách Tân Sơn Nhi	18.497.740	Không còn khả năng thu hồi
Công ty TNHH TM & DV Hùng Phát Đạt	16.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	494.468.938	Không còn khả năng thu hồi
Cộng	608.882.678	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	184.165.870.006	175.715.484.190
Doanh thu thiết bị giáo dục	178.141.110.134	175.048.531.626
Doanh thu hoạt động dạy học	24.152.813.600	24.559.821.000
Doanh thu khác	2.263.415.138	762.345.445
Cộng	388.723.208.878	376.086.182.261

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018	Năm 2017
Hàng bán bị trả lại	3.816.551.560	3.611.376.073
Cộng	3.816.551.560	3.611.376.073

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn sách và sản phẩm in	162.776.380.413	153.979.094.429
Giá vốn thiết bị giáo dục	118.337.503.439	114.605.817.995
Giá vốn hoạt động dạy học	16.158.776.242	16.267.066.959
Giá vốn khác	1.788.481.095	773.374.420
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(114.155.861)	790.686.129
Cộng	298.946.985.328	286.416.039.932

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	447.112.253	310.348.049
Chiết khấu thanh toán được hưởng	268.244.620	294.525.593
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	58.800.000	58.800.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	312.902	67.645
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	31.711	-
Cộng	774.501.486	663.741.287

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí lãi vay	520.670.699	783.864.258
Chiết khấu thanh toán phải trả	529.890.000	1.305.739.728
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	29.815
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	87.308	65.308
Cộng	1.050.648.007	2.089.699.109

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2018	Năm 2017
Tiền lương, các khoản trích theo lương	15.799.262.390	21.123.982.302
Khấu hao TSCĐ	396.631.029	347.736.762
Chi phí vận chuyển	3.117.449.310	2.712.839.179
Tiền thuê đất	1.635.982.560	1.814.138.076
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	6.402.863.045	6.905.373.195
Các khoản khác	2.076.326.920	1.900.917.754
Cộng	29.428.515.254	34.804.987.268

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2018	Năm 2017
Tiền lương, trích theo lương	23.266.599.730	18.210.302.560
Khấu hao TSCĐ	963.946.142	911.123.474
Thù lao HĐQT	1.045.000.000	1.096.000.000
Tiền thuê đất	725.643.552	1.695.650.416
Các khoản khác	12.229.915.121	12.180.759.131
Cộng	38.231.104.545	34.093.835.581

28. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	324.187.215	-
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	123.370.584	107.589.430
Thanh lý phế liệu	18.024.088	21.596.364
Cho thuê mặt bằng	535.589.130	493.518.877
Thu nhập khác	45.184.167	37.623.832
Cộng	1.046.355.184	660.328.503

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
Giá trị còn lại TSCĐ điều chỉnh giảm	-	425.772.415
Chi phí khác	7.154.318	298.164
Cộng	7.154.318	426.070.579

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.063.106.536	15.968.243.509
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	19.185.888.623	20.787.435.502
- Hoạt động khác không được ưu đãi	(122.782.087)	(4.819.191.993)
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	579.722.960	806.927.945
- Các khoản điều chỉnh tăng	699.160.731	926.334.005
+ Chi phí không được trừ	699.073.423	926.268.697
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	87.308	65.308
- Các khoản điều chỉnh giảm	119.437.771	119.406.060
+ Cổ tức được chia	58.800.000	58.800.000
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	31.711	-
+ Lợi nhuận đã thực hiện	60.606.060	60.606.060
Tổng thu nhập chịu thuế	19.642.829.496	16.775.171.454
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	19.209.400.435	16.479.612.491
- Hoạt động khác không được ưu đãi	433.429.061	295.558.963
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.007.625.855	1.707.073.042
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	1.920.940.043	1.647.961.249
- Hoạt động khác không được ưu đãi	86.685.812	59.111.793
Thuế TNDN được giảm (ưu đãi tại Công ty con)	46.723.461	64.293.278
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.960.902.394	1.642.779.764
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.960.902.394	1.642.779.764

31. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.547.679.899	13.805.564.162
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(4.275.763.247)	(3.519.816.885)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	4.275.763.247	3.519.816.885
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.271.916.652	10.285.747.277
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.665.530	5.665.530
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	2.166	1.815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.264.665.288	48.863.447.461
Chi phí nhân công	56.673.070.240	52.198.611.262
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.044.563.132	4.055.432.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.458.721.512	24.861.880.911
Chi phí khác bằng tiền	12.908.880.689	13.438.250.529
Cộng	143.349.900.861	143.417.622.422

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Năm 2018	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	24.152.813.600	178.141.110.134	186.429.285.144	388.723.208.878
Các khoản giảm trừ	70.173.000	2.268.281.780	1.478.096.780	3.816.551.560
Giá vốn hàng bán	16.158.776.242	118.337.503.439	164.450.705.647	298.946.985.328
Chi phí bán hàng	-	21.697.464.770	7.731.050.484	29.428.515.254
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.241.314.874	23.585.876.773	8.403.912.898	38.231.104.545
Chi phí lãi vay thuần	(138.300.773)	(86.015.883)	297.875.102	73.558.446
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	48.867.378	(251.455.453)	(202.588.075)
Thu nhập khác	-	86.985.253	959.369.931	1.046.355.184
Chi phí khác	-	-	7.154.318	7.154.318
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết	-	-	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.820.850.257	12.473.851.886	4.768.404.393	19.063.106.536

Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2018

Phải thu của khách hàng	866.338.218	36.557.548.420	2.862.588.852	40.286.475.490
Hàng tồn kho	279.628.698	31.963.544.138	3.758.314.984	36.001.487.820
Tài sản cố định hữu hình				38.330.872.516
- Tài sản cố định HH của bộ phận	996.750.974	19.964.933.320	-	20.961.684.294
+ Nguyên giá	1.673.390.908	35.468.373.854	-	37.141.764.762
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(676.639.934)	(15.503.440.534)	-	(16.180.080.468)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	17.369.188.222
+ Nguyên giá	-	-	-	26.946.248.776
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(9.577.060.554)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	40.682.682.593
Tổng Tài sản				155.301.518.419
Phải trả người bán	309.028.740	10.016.598.300	3.189.637.598	13.515.264.638
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	27.749.594.695
Tổng Nợ phải trả				41.264.859.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Năm 2017	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	24.559.821.000	175.048.531.626	176.477.829.635	376.086.182.261
Các khoản giảm trừ	13.569.000	1.520.873.775	2.076.933.298	3.611.376.073
Giá vốn hàng bán	16.267.066.959	114.605.817.995	155.543.154.978	286.416.039.932
Chi phí bán hàng	-	26.366.481.459	8.438.505.809	34.804.987.268
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.691.111.409	20.758.904.844	6.643.819.328	34.093.835.581
Chi phí lãi vay thuần	(165.982.830)	294.473.642	345.025.397	473.516.209
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	82.409.507	(1.034.851.120)	(952.441.613)
Thu nhập khác	-	40.041.424	620.287.079	660.328.503
Chi phí khác	-	322.543.445	103.527.134	426.070.579
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết	-	-	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.754.056.462	11.301.887.398	2.912.299.649	15.968.243.509

Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2017

Phải thu của khách hàng	1.130.723.000	31.746.424.455	1.378.428.528	34.255.575.983
Hàng tồn kho	197.276.391	33.182.230.254	7.044.416.595	40.423.923.240
Tài sản cố định hữu hình				40.172.347.930
- Tài sản cố định HH của bộ phận	1.535.421.435	21.321.906.382	-	22.857.327.817
+ Nguyên giá	2.556.006.363	34.743.825.741	-	37.299.832.104
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(1.020.584.928)	(13.421.919.359)	-	(14.442.504.287)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	17.315.020.113
+ Nguyên giá	-	-	-	25.793.508.504
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(8.478.488.391)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	33.532.728.185
Tổng Tài sản				148.384.575.337
Phải trả người bán	323.186.906	14.265.251.771	4.717.366.844	19.305.805.521
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	19.924.138.382
Tổng Nợ phải trả				39.229.943.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	USD	USD
Tiền gửi ngân hàng	499,62	499,62

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

Đơn vị tính: Đồng

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	13.515.264.638	-	13.515.264.638
Chi phí phải trả	2.723.344.864	-	2.723.344.864
Phải trả khác	707.902.963	-	707.902.963
Cộng	16.946.512.465	-	16.946.512.465
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	19.305.805.521	-	19.305.805.521
Chi phí phải trả	2.552.516.707	-	2.552.516.707
Phải trả khác	787.967.557	-	787.967.557
Cộng	22.646.289.785	-	22.646.289.785

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: Đồng

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	22.409.903.318	-	22.409.903.318
Phải thu khách hàng	40.286.475.490	-	40.286.475.490
Đầu tư tài chính	2.282.375.309	490.000.000	2.772.375.309
Phải thu khác	313.868.178	11.000.000	324.868.178
Cộng	65.292.622.295	501.000.000	65.793.622.295
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	14.499.070.592	-	14.499.070.592
Phải thu khách hàng	34.255.575.983	-	34.255.575.983
Phải thu về cho vay	-	-	-
Đầu tư tài chính	2.166.805.740	490.000.000	2.656.805.740
Phải thu khác	86.845.273	11.000.000	97.845.273
Cộng	51.008.297.588	501.000.000	51.509.297.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m2 đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: 50 năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTD/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m2 đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m2 đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m2 đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m2 đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Nội dung	Năm 2018	Năm 2017
Mua hàng			
NXBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phí quản lý, tem, khác	43.393.527	15.820.800
Công ty CP Sách TB GD Miền Nam	Cung ứng SGK, STK, bia	86.007.044.461	84.955.711.065
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng đĩa GD	77.000.000	87.360.000
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Cung ứng sách, VHP	43.065.711.956	45.251.697.917
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	Bàn đồ	3.018.929.413	4.583.898.229
Công ty CP Sách Dân Tộc	Cung ứng STK	163.758.900	312.809.985
Công ty CP ĐT & PT GD Hà Nội	Cung ứng STK	17.419.947.299	12.970.192.670
Bán hàng			
Công ty Sách Thiết Bị GD Miền Nam	Thiết bị, ấn phẩm, dịch vụ lắp đặt	5.865.560.117	13.635.015.605
Nhà xuất bản GD tại TP HCM	Thiết bị	89.858.154	-
Công ty CP Học Liệu	Thiết bị	524.312.925	257.626.892
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Sách, thiết bị	4.032.185.188	14.238.430.777
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Thiết bị	198.059.502	261.902.052
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Thiết bị	1.196.051.266	1.773.339.441
Công ty CP Sách TB GD Miền Trung	Thiết bị	2.569.477.740	2.611.011.724
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	Thiết bị	4.733.699.455	5.764.829.452
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt			
Hội đồng quản trị	Thù lao	1.035.200.000	595.800.000
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	1.948.197.800	1.978.679.900

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 10/01/2019, Hội đồng quản trị Công ty có Nghị quyết số 01/BB-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền với tỷ lệ 13%. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 12/02/2019, thực hiện tạm ứng cổ tức từ ngày 20/02/2019.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

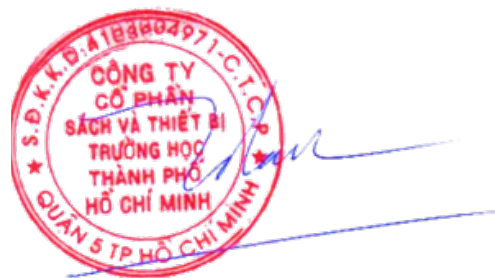
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2019



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 09 tháng 04 năm 2019
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



TỪ TRUNG ĐẠN